TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Sỹ Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và bà Vũ Thị B
- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh năm 1997 – Có mặt
Nơi cư trú: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
- Bị đơn: Anh Trần Quốc B, sinh năm 1994 – Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Hồng Long (Xóm 5 cũ), xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày: Chị và anh Trần Quốc B kết hôn vào ngày 22/5/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn do anh B không lo tu chí làm ăn, thường xuyên lô đề bài bạc dẫn đến nợ nần. Vợ chồng nhiều lần cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, chị đã cố gắng chịu đựng và bỏ qua cho anh B để giữ lại hạnh phúc gia đình nhưng anh B vẫn không thay đổi dẫn đến kinh tế gia đình trở nên khó khăn hơn. Nhiều lần hai vợ chồng ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc B.

Về con chung: Chị và anh Trần Quốc B có 01 con chung, vợ chồng không có con nuôi, không ai có con riêng. Con chung là Trần Mai Quỳnh Hương, sinh ngày 13/12/2017; hiện nay cháu con ở với chị L. Ly hôn với anh B, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Mai Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Trần Quốc B đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B đều không mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại Công an xã Q cho biết: Anh Trần Quốc B đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H (xóm 5 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cùng hộ với ông Trần Văn Tịnh vợ là Hồ Thị Sơn. Hiện nay, anh B chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác và hiện nay anh đang có mặt tại địa phương.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q: Ông Lê Quốc Thảo – Tư pháp hộ tịch xã cho biết: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Mai Thị L và anh Trần Quốc B như thế nào thì địa phương không nắm được vì anh chị không thông qua hòa giải tại cơ sở. Chị L và anh B đều là lao động tự do nên thu nhập hàng tháng địa phương cũng không nắm được. Nay chị L yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh B thì địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Đối với Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83 Luật HNGĐ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về tình cảm: Cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Trần Quốc B.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Mai Q, sinh ngày 13/12/2017 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B do chị L không yêu cầu. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/02016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định của Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Trần Quốc B trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Trần Quốc B.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị L và anh Trần Quốc B là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Qua quá trình xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng tình cảm bình thường, nhưng do Anh B không lo tu chí làm ăn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn hỏi thăm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh B ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu chị Mai Thị L, cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc B.

[4] Về con chung: Chị Mai Thị L và anh Trần Quốc B có 01 con chung là Trần Mai Quỳnh Hương, sinh ngày 13/12/2017. Chị L tha thiết xin được trực tiếp nuôi con. Hiện nay anh B vắng mặt tại phiên toà, không có ý kiến về việc có nguyên vọng xin nuôi con hay không. Do đó, cần giao cháu Trần Mai Q cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp thực tế. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B do chị L không yêu cầu. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Mai Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 147, 227 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mai Thị L được ly hôn với anh Trần Quốc B.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Mai Q, sinh ngày 13/12/2017 cho chị Mai Thị L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Quốc B do chị Mai Thị L không yêu cầu.

Anh Trần Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004494 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh

Thịnh